

THÔNG BÁO

Mức thu phí giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp¹; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến². Sở Công Thương thông báo mức thu phí giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương, cụ thể như sau:

1. TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương: 69 TTHC

1.1. Lĩnh vực An toàn thực phẩm: 02 TTHC;

1.2. Lĩnh vực Hóa chất: 09 TTHC;

1.3. Lĩnh vực Kinh doanh Khí: 24 TTHC;

1.4. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: 24 TTHC;

1.5. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: 02 TTHC³;

1.6. Lĩnh vực Điện: 08 TTHC.

2. TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

2.1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: 12 TTHC.

(Chi tiết biểu kèm theo)

* Đối với Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi đăng ký nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến được giảm 10% mức phí kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025.

81/81 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình tích hợp thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh Lạng Sơn⁴.

¹ Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023

² Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2023; mức thu phí trường hợp tổ chức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến đến hết ngày 31/12/2025.

³ Mức thu bắt đầu từ 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025. Từ 01/01/2026 mức thu theo Thông tư 148/2016/TT-BCT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

⁴ Cổng dịch vụ công tỉnh Lạng Sơn.

Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn thông báo tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết để thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (p/h thực hiện);
- Phòng Kinh tế Thành phố, phòng KT&HT huyện (t/h);
- Viễn thông Lạng Sơn (p/h);
- Ngân hàng Viettin Bank Lạng Sơn (p/h);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP_(NTA).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Đại

⁴ Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Công Dịch vụ công quốc gia năm 2023

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ CÔNG THƯƠNG

BIỂU PHÍ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-SCT ngày /01/2024 của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên lĩnh vực/ TTHC	Mức thu	Ghi chú
A	SỞ CÔNG THƯƠNG (69 TTHC)		
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)	- Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở; - Đối với cơ sở sản xuất: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.	Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
II	Lĩnh vực Hóa chất (09 TTHC)	- Đối với trường hợp cấp mới: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận; - Đối với trường hợp cấp lại, điều chỉnh: 600.000 đồng/giấy chứng nhận.	Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
III	Lĩnh vực Kinh doanh Khí (24 TTHC)	- Tại khu vực Thành phố + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại khu vực các huyện + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Thông tư số 168/2016/TT-BTC BTC ngày 26/10/2016
IV	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (24 TTHC)		
1	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Tại khu vực Thành phố + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại khu vực các huyện + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Thông tư số 168/2016/TT-BTC BTC ngày 26/10/2016

STT	Tên lĩnh vực/ TTHC	Mức thu	Ghi chú
2	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương		
3	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<p style="text-align: center;">- Tại khu vực Thành phố</p> + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<p style="text-align: center;">Thông tư số 168/2016/TT-BTC BTC ngày 26/10/2016</p>
4	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	<p style="text-align: center;">- Tại khu vực các huyện</p> + Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
5	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
6	Cấp/ Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
7	Cấp/ Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	<p style="text-align: center;">Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>
8	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	<p style="text-align: center;">Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>

STT	Tên lĩnh vực/ TTHC	Mức thu				Ghi chú
V	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (02 TTHC) - Cấp/ Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Trường hợp cấp mới:				Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính
		TT	Nội dung công việc thu phí	Nộp trực tiếp (vnd)	Nộp trực tuyến (vnd)	
		1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình	4.000.000	3.600.000	
		2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	3.500.000	3.150.000	
		3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	2.000.000	1.800.000	
		Trường hợp cấp lại:				
		TT	Nội dung công việc thu phí	Nộp trực tiếp (vnd)	Nộp trực tuyến (vnd)	
		1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình	2.000.000	1.800.000	
		2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	1.750.000	1.575.000	
		3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	1.000.000	900.000	

STT	Tên lĩnh vực/ TTHC	Mức thu	Ghi chú
VI	Lĩnh vực Điện (08 TTHC)⁵		
1	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	- Trường hợp cấp mới: 800.000 đồng/Giấy phép; - Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung 400.000 đồng/Giấy phép.	Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	- Trường hợp cấp mới: 800.000 đồng/Giấy phép; - Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung 400.000 đồng/Giấy phép.	
3	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	- Trường hợp cấp mới: 2.100.000 đồng/Giấy phép; - Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung 1.050.000 đồng/Giấy phép.	
4	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	- Trường hợp cấp mới: 700.000 đồng/Giấy phép; - Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung 350.000 đồng/Giấy phép.	

⁵ Trường hợp tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:

$$P_m = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$$

Trong đó: - P_1 : Phí thẩm định lớn nhất của một trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép (được quy định tại Biểu mức thu nêu trên); - P_i : Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.

STT	Tên lĩnh vực/ TTHC	Mức thu	Ghi chú
B	UBND CẤP HUYỆN (12 TTHC)		
I	Lưu thông hàng hóa trong nước (12 TTHC)		
1	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	- Tại khu vực Thành phố	Thông tư số 168/2016/TT-BTC BTC ngày 26/10/2016
2	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	+ Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại khu vực các huyện	
3	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	+ Đối với tổ chức, doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
4	Cấp/Cấp sửa đổi, bổ sung/ Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính